

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Bản án số: 98/2024/DS-PT

Ngày 21-5-2024

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Vỹ

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Quang

Ông Trịnh Hoàng Anh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lý - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 21 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 318/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 12 năm 2023 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 70/2023/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 108/2024/QĐ-PT ngày 17 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2024/QĐ-PT ngày 24 tháng 4 năm 2024 và Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 96/2024/QĐ-TA ngày 14 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Đình P, sinh năm 1959.

Hộ khẩu thường trú: Tổ I, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: Số A tổ C, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

**Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:**

Ông Hồ Duy T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: E N, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, theo Giấy ủy quyền ngày 07-5-2024 (có mặt).

**- Bị đơn:** Ông Đinh C, sinh năm 1963 và bà Kiều Thị Bích L, sinh năm 1961.

Cùng địa chỉ: Số G Quốc lộ E, tổ D, ấp T, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1963.

Hộ khẩu thường trú: Tổ I, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: Số A tổ C, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

(vắng mặt).

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Đình P - Nguyên đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn ông Nguyễn Đình P và người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị L1 trình bày:*

Năm 1986, vợ chồng ông P, bà L1 là công nhân thuộc Xí nghiệp Khai thác vật liệu 271, trụ sở tại ấp H (nay là ấp H), xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (đã giải thể năm 2006). Trong thời gian công tác tại đơn vị, vợ chồng ông P, bà L1 đã khai hoang mảnh đất 10.000m<sup>2</sup> tại các thửa đất số 374 và 392, tờ bản đồ số 7, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Phần đất khai hoang phía Đông giáp một con mương, phía Tây giáp núi, phía Nam giáp nhà ông Võ Văn D và phía Bắc giáp núi. Ông bà đã quản lý, sử dụng phần đất này từ năm 1986 cho đến đầu năm 2019.

Trong quá trình khai hoang, ông bà có trồng khoai, sắn, đậu phụng, bạch đàn và đóng thuế đất đầy đủ cho Ban Á (nay là ấp H), xã P và Ủy ban nhân dân xã P từ năm 1986 đến năm 2019.

Năm 2019, ông bà biết nhà nước có chủ trương cho làm sổ đỏ nên đã đến Ủy ban nhân dân xã P để đăng ký kê khai việc sử dụng đất đối với các thửa đất 374 và 392 thì phát hiện ông Đình C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 2 thửa đất trên. Ông bà cũng phát hiện có người đã tự ý san phẳng mặt bằng đất 10.000m<sup>2</sup> trên nên đã liên hệ Ủy ban nhân dân xã P để hỏi thì biết được vợ chồng ông Đình C, bà Kiều Thị Bích L đã đăng ký, kê khai và đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất trên, trong đó: Phần đất 1.438,8m<sup>2</sup> thuộc thửa 374, tờ bản đồ số 7 xã P, huyện L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 823445 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 05-11-2018, còn phần đất 7.107m<sup>2</sup> thuộc thửa 392, tờ bản đồ số 7 xã P, huyện L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 998263 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 02-8-2019.

Hiện trạng 2 thửa đất này đang có 30 hộ dân đã làm nhà, sinh sống ổn định. Do đó, ông không yêu cầu ông C, bà L trả lại đất, mà yêu cầu trả lại giá trị 2 thửa đất 374 và 392, tờ bản đồ số 7 xã P, huyện L theo giá thị trường hiện nay là  $(1.438,8 \text{ m}^2 + 7.107 \text{ m}^2) \times 7.000.000 \text{ đồng/m}^2 = 59.820.600.000 \text{ đồng}$  và giá trị theo giá thị trường hiện nay (7.000.000 đồng/m<sup>2</sup>) của tất cả các thửa đất mà ông bà đã chỉ ranh theo Sơ đồ vị trí do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh B lập ngày 26-5-2023.

Ông không có ý kiến gì về kết quả định giá ngày 27-4-2023 và Sơ đồ vị trí ngày 26-5-2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh B. Ông bà không có ý kiến gì về chi phí tố tụng.

*Bị đơn ông Đình C1 và bà Kiều Thị Bích L (do ông Đình C đại diện) trình bày:*

Ngày 08-12-2002, ông Nguyễn Đình P chuyển nhượng 8.000m<sup>2</sup> đất (không rõ số thửa, số tờ) tại ấp H (nay là ấp H), xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, cho ông Lê Quán B (không rõ địa chỉ) bằng giấy tay. Ngày 10-01-2003, ông B chuyển nhượng lại 8.000m<sup>2</sup> đất này cho ông C, bà L bằng giấy tay. Ông bà chỉ mua bán đất với ông B chứ không mua bán đất với ông Nguyễn Đình P, bà Nguyễn Thị L1.

Trước năm 2002, vợ chồng ông P, bà L1 là công nhân làm việc tại kho thuốc nổ của Xí nghiệp Khai thác vật liệu 271. Diện tích đất 8.000m<sup>2</sup> nêu trên nằm kế bên kho thuốc nổ mà vợ chồng ông P, bà L1 làm việc nên ông P, bà L1 đã trồng mì trên 8.000m<sup>2</sup> đất này. Thời điểm đó, 8.000m<sup>2</sup> đất này thuộc quyền quản lý của Xí nghiệp B1. Khi ông C mua đất của ông Lê Quán B thì Xí nghiệp B đã giải thể và bàn giao lại 8.000m<sup>2</sup> đất trên cho Ủy ban nhân dân huyện L quản lý. Theo ông C, việc ông P bán cho ông B và ông bắc bán lại cho ông C diện tích đất 8.000m<sup>2</sup> nêu trên là không đúng quy định của pháp luật, vì đây đất là thuộc Ủy ban nhân dân huyện L quản lý.

Sau khi mua 8.000m<sup>2</sup> đất trên, ông C bà L đã canh tác, sử dụng đất đến năm 2012 thì kê khai đăng ký phần đất này cùng với phần đất ông bà đã khai hoang trước đó. Ngày 21-12-2012, ông bà được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 569124 đối với diện tích đất 17.795,1m<sup>2</sup> đất thuộc thửa 209, tờ bản đồ số 7, xã P. Năm 2018, ông bà tách thửa 209 trên thành 08 thửa, trong đó có thửa 347/12.362,6m<sup>2</sup>, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 072025 ngày 10-7-2018. Sau đó, ông bà tiếp tục tách thửa 347 thành 03 thửa, trong đó có thửa 373/10.199,5m<sup>2</sup> và thửa 374/1.438,8m<sup>2</sup> được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 823444 và CO 823445 cùng ngày 05-11-2018. Năm 2019, ông bà tách thửa 373 thành 4 thửa, trong đó có thửa 392/7.107m<sup>2</sup> được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 998263 ngày 02-8-2019.

Việc ông bà sử dụng đất và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 1.438,8m<sup>2</sup> đất thuộc thửa 374 và 7.107m<sup>2</sup> đất thuộc thửa 392, tờ bản đồ số 7 xã P, huyện L là hoàn toàn hợp pháp.

Tại lần hòa giải ở Tòa án nhân dân huyện L ngày 08-8-2022, ông C bà L đồng ý hỗ trợ cho ông P, bà L1 số tiền 500.000.000 đồng để ông P, bà L1 không tranh chấp đối với 02 thửa đất 374 và 392 nêu trên. Nhưng do hai bên không thỏa thuận được nên ông bà không đồng ý với tất cả yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông C, bà L không có ý kiến gì về kết quả định giá ngày 27-4-2023 và Sơ đồ vị trí ngày 26-5-2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh B, không có ý kiến gì về chi phí tố tụng.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 70/2023/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã tuyên xử:*

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình P và yêu cầu của bà Nguyễn Thị L1 về việc: Yêu cầu ông Đình C và bà Kiều Thị Bích L trả lại cho ông P và bà L1 giá trị 2 thửa đất số 374 và 392, tờ bản đồ số 7 xã P,

huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo giá thị trường hiện nay.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10-10-2023, nguyên đơn ông Nguyễn Đình P nộp đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L để giải quyết lại do cấp sơ thẩm đã thu thập chứng cứ và chứng minh không đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Nguyên đơn (do ông Hồ Duy T đại diện) giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn ông Đình C và bà Kiều Thị Bích L đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ.

- *Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Đình P nộp trong thời hạn luật định. Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện L giải quyết lại theo quy định của pháp luật, do cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ và có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Đình P nộp trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Đình P vắng mặt nhưng đã có người đại diện hợp pháp tham gia phiên tòa; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L1 vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] *Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Đình P:*

Nguyên đơn kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập chứng cứ và chứng minh không đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Xét yêu cầu kháng cáo nêu trên nhận thấy:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều khai thống nhất về nguồn gốc ban đầu của diện tích đất tranh chấp thuộc thửa 374 và 392 là do nguyên đơn ông P, bà L1 khai hoang, sử dụng trước năm 2002. Phần đất này là đất do Xí nghiệp Khai thác vật liệu B được giao quản lý. Thời điểm đó, ông P, bà L1 là công nhân của Xí nghiệp Khai thác vật liệu B nên đã khai hoang, trồng hoa màu trên phần đất này và sử dụng đến năm 2002.

[2.2] Từ thời điểm năm 2002, việc quản lý, sử dụng đất theo nguyên đơn và bị đơn khai có sự khác nhau, cụ thể như sau:

Theo nguyên đơn, năm 2002, ông C có gọi điện cho ông P, bà L1 (lúc này đang làm việc tại Quảng Ngãi) hỏi mua lớp đất nổi trên bề mặt của phần đất tranh chấp với giá 25.000.000 đồng. Ông bà đồng ý bán và nhờ em gái bà L1 là bà Nguyễn Thị L2 nhận tiền giữ. Đây là thỏa thuận về việc mua bán phần đất nổi trên bề mặt để san lấp (do ông C làm nghề san lấp đất), chứ không phải là mua bán toàn bộ diện tích đất trên.

Bà Nguyễn Thị L2 cũng có lời khai xác nhận bà là em ruột bà L1. Năm 2002, bà L1 có gọi điện thoại cho bà nói là bà L1 đồng ý bán đất cho ông C nên nhờ bà nhận tiền bán đất của ông C là 25.000.000 đồng. Sau đó, ông Lê Quán B có giao cho bà 25.000.000 đồng và yêu cầu bà viết giấy bán đất ngày 08-12-2002. Việc bà viết giấy bán đất cho ông Lê Quán B là theo yêu cầu của ông B chứ bà L1, ông P không yêu cầu bà viết. Bà không biết ông B thanh toán số tiền 25.000.000 đồng là để mua toàn bộ diện tích đất tranh chấp hay chỉ mua phần đất nổi.

Còn theo bị đơn và chứng cứ do bị đơn cung cấp thì ngày 08-12-2002, ông Nguyễn Đình P đã bán phần đất 8.000m<sup>2</sup> hiện đang tranh chấp cho ông Lê Quán B với giá 25.000.000 đồng. Đến ngày 10-01-2003, ông Lê Quán B ký giấy nhượng đất cho ông C toàn bộ diện tích đất trên với giá 31.000.000 đồng. Các bên đã giao nhận đất và tiền cho nhau xong, sau đó ông C đã kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp đối với phần đất tranh chấp trên vào năm 2012. Ông C có cung cấp chứng cứ là 02 giấy bán đất viết tay có chữ ký của ông Lê Quán B và bà Nguyễn Thị L2 (B1 51, 52).

[2.3] Lời khai của nguyên đơn, bị đơn và bà Nguyễn Thị L2 về việc sang nhượng diện tích đất tranh chấp có sự mâu thuẫn với nhau như trên nhưng cấp sơ thẩm không xác minh làm rõ, không đưa ông Lê Quán B và bà Nguyễn Thị L2 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để lấy lời khai và cung cấp chứng cứ làm rõ việc sang nhượng đất giữa các bên liên quan, từ đó mới có cơ sở để kết luận lời khai của bên nào là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật.

[2.4] Mặt khác, theo tài liệu chứng cứ mà Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L cung cấp thì khi kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 209 vào năm 2012, ông C khai nguồn gốc do ông tự khai phá, ông C không xuất trình các giấy tờ về việc sang nhượng đất như đã nêu trên. Ủy ban nhân dân xã P đã tiến hành lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất của ông C đều thể hiện đất tranh chấp do ông C khai phá và sử dụng ổn định từ năm 1985. Điều này hoàn toàn mâu thuẫn với lời khai của chính ông C tại Tòa án về nguồn gốc đất tranh chấp là do ông nhận sang nhượng lại của ông Lê Quán B vào năm 2003. Điều này cũng mâu thuẫn với lời khai xác nhận của rất nhiều người làm chứng là công nhân Xí nghiệp Khai thác vật liệu B về nguồn gốc đất tranh chấp là do ông P, bà L1 khai phá và sử dụng từ năm 1986. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không xác minh làm rõ những điểm mâu thuẫn nêu trên, không lấy lời khai những người làm chứng là công nhân Xí nghiệp Khai thác vật liệu B cùng thời điểm nguyên đơn khai phá đất để có căn cứ kết luận về nguồn gốc đất tranh chấp; không thu thập chứng cứ về quá trình kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất trong sổ mục kê, sổ địa chính của các bên liên quan. Cấp sơ thẩm cũng không đưa Ủy ban nhân dân huyện L là cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn vào tham gia tố tụng và xem xét tính hợp pháp của việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 209 cho bị đơn, trong đó có phần đất tranh chấp.

[2.5] Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm và phúc thẩm, nguyên đơn đều yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả lại quyền sử dụng đất thửa 374 và 392 tờ bản đồ số 7 xã P, huyện L. Tuy nhiên, khi cấp sơ thẩm tiến hành việc đo vẽ diện tích đất tranh chấp theo sự chỉ ranh của đương sự thì lại không đo đạc đối với các thửa đất số 374 và 392 mà đo đạc diện tích đất 6.599,2 m<sup>2</sup> thuộc các thửa đất khác, không liên quan đến thửa 374 và 392. Sau khi có Sơ đồ vị trí thửa đất tranh chấp, cấp sơ thẩm không yêu cầu nguyên đơn xác định lại chính xác diện tích đất tranh chấp là theo yêu cầu khởi kiện hay theo chỉ ranh trên thực địa. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết theo diện tích đất mà nguyên đơn đã chỉ ranh trên thực tế tức là các thửa đất khác với thửa 374 và 392 nhưng cấp sơ thẩm lại không xem đây là sự thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mà cho rằng đây là yêu cầu khởi kiện mới, vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và không xem xét, giải quyết là không đúng quy định của pháp luật, dẫn đến giải quyết không đúng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.6] Do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và chưa thu thập, đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

[3] *Về án phí và chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm:* Được xem xét khi cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[4] *Về án phí dân sự phúc thẩm:* Nguyên đơn không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự;  
Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Đình P.

Tuyên xử:

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 70/2023/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Đình P không phải chịu.

3. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (21-5-2024).

### Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- TAND H. L, tỉnh BR-VT;
- VKSND H. L, tỉnh BR-VT;
- Chi cục THADS H. L, tỉnh BR-VT;
- Các đương sự;
- Lưu: Tòa Dân sự, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Cao Minh Vỹ**

